

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2024/DS-ST.

Ngày: 30/7/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Nhã Phương

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và bà Nguyễn Thị Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2023/TLST-DS ngày 08/11/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS, ngày 25/6/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST - DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

* **Bị đơn:** Bà Đinh Thị G, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Do quen biết nên tôi đã cho bà Đinh Thị G vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 19/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 06/9/2020 dương lịch) bà G vay số tiền: 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng). Hẹn 10 ngày sẽ trả.

- Ngày 28/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 15/9/2020 dương lịch) bà G vay số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hẹn 10 ngày sẽ trả.

- Ngày 05/8/2020 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2020 dương lịch) bà G vay số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Hẹn 10 ngày sẽ trả.

- Ngày 25/8/2020 âm lịch (nhằm ngày 11/10/2020 dương lịch) bà G vay số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hẹn 05 ngày sẽ trả.

Tổng cộng số tiền bà G đã vay gốc là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Trong các giấy vay chúng tôi không ghi mức lãi cụ thể mà chỉ thỏa thuận miệng mức lãi là 1,6%/tháng.

• Ngày 28/8/2020 bà G đã trả tiền lãi 1 tháng của số tiền vay 170.000.000đ là: 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Từ khi vay cho đến nay, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Đinh Thị G trả số nợ trên, nhưng bà G không trả, luôn lẩn tránh, khất nợ nhiều lần. Do đó, vào tháng 7/2023 tôi đã làm đơn khởi kiện bà G buộc trả số tiền vay gốc và lãi suất, khi đó bà G năn nỉ xin khất lại thêm thời gian để sắp xếp trả nợ nên vào tháng 9/2023 tôi đã rút đơn khởi kiện nhưng đến nay bà G vẫn không có thiện chí trả tiền nên nay tôi khởi kiện yêu cầu buộc bà Đinh Thị G phải có nghĩa vụ thanh toán cho tôi toàn bộ số nợ cụ thể số tiền gốc là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh, tại đơn khởi kiện tôi có tạm tính mức lãi là 1,6%/ tháng : Từ tháng 9/2020 đến tháng 6/2023 (dương lịch), tổng 33 tháng, $470.000.000đ \times 1,6\% \times 33 \text{ tháng} = 248.160.000đ$. Trừ số tiền lãi bà G đã trả: $248.160.000đ - 3.400.000đ = 244.760.000đ$ (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng nay tôi xin thay đổi nội dung đối với yêu cầu này, tôi đề nghị tính lãi suất phát sinh theo mức 10%/năm theo quy định của pháp luật là $470.000.000đ \times 10\%/tháng \times 46 \text{ tháng} = 180.000.000đ$ (Một trăm tám mươi triệu đồng) - $3.400.000đ$ đã trả = $176.600.000đ$. Tổng cộng là cả gốc và lãi là $646.600.000đ$ (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng)

* Bị đơn bà Đinh Thị G đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, không tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm

sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Xét chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời trình trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X. Buộc bà Đinh Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vay gốc là 470.000.000đ và **lãi suất theo quy định pháp luật theo mức 10%/năm.**

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS, ngày 25/6/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST -DS ngày 10/7/2024 cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị X cung cấp 04 giấy vay tiền, gồm giấy vay ngày 19/7/2020 âm lịch số tiền vay 70.000.000đ, hạn 10 ngày trả; Giấy vay ngày 28/7/2020 âm lịch số tiền vay 100.000.000đ, hạn 10 ngày trả; Giấy vay ngày 05/8/2020 âm lịch số tiền vay 200.000.000đ, hạn 10 ngày trả; Giấy vay ngày 25/8/2020 âm lịch số tiền vay 100.000.000đ, hạn 5 ngày trả. Tổng cộng số tiền bà G đã vay là 470.000.000đ.

Bị đơn bà G vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định pháp luật và đã có kết luận giám định số 522/KL-KTHS ngày 04/5/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký và chữ viết của bà Đinh Thị G trong 04 giấy vay tiền ngày 19/7/2020 âm lịch, ngày 28/7/2020 âm lịch, ngày 05/8/2020 âm lịch và giấy vay ngày 25/8/2020 âm lịch so sánh với chữ ký và chữ viết của bà Đinh Thị G trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Do đó chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc bà G còn nợ tổng số tiền gốc là **470.000.000đ**, hết thời hạn vay bà G vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS nên cần buộc bà G trả khoản nợ trên là có căn cứ.

2.2. *Về lãi suất*: Trong 04 giấy vay tiền ngày 19/7/2020 âm lịch, ngày 28/7/2020 âm lịch, ngày 05/8/2020 âm lịch và giấy vay ngày 25/8/2020 âm lịch đều không thể hiện thỏa thuận lãi suất vay.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 1 Điều 357 BLDS. Lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Lãi suất được tính như sau:

- Đối với khoản vay ngày 19/7/2020 âm lịch (nhằm ngày 06/9/2020 dương lịch) bà G vay số tiền: 70.000.000 đ. Hạn 10 ngày sẽ trả (ngày 15/9/2020). Thời gian tính lãi từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử 30/7/2024 là 1.413 ngày.

$$(70.000.000đ \times 10\%/năm \times 1.413 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = \mathbf{27.098.630}$$

- Đối với khoản vay ngày 28/7/2020 âm lịch nhằm ngày 15/9/2020 dương lịch bà G số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hạn 10 ngày sẽ trả (ngày 24/9/2020). Thời gian tính lãi từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử 30/7/2024 là 1.404 ngày.

$$(100.000.000đ \times 10\%/năm \times 1404 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = \mathbf{38.465.753đ}$$

- Đối với khoản vay ngày 05/8/2020 âm lịch nhằm ngày 21/9/2020 dương lịch bà G số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Hạn 10 ngày sẽ trả (ngày 30/9/2020). Thời gian tính lãi từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử 30/7/2024 là 1398 ngày.

$$(200.000.000đ \times 10\%/năm \times 1398 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = \mathbf{76.602.739đ}$$

- Đối với khoản vay ngày 25/8/2020 âm lịch nhằm ngày 11/10/2020 dương lịch bà G số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hạn 05 ngày sẽ trả (15/10/2020). Thời gian tính lãi từ ngày 16/10/2020 đến ngày xét xử 30/7/2024 là 1.383 ngày.

$$(100.000.000đ \times 10\%/năm \times 1383 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = \mathbf{37.890.410đ}$$

Số tiền lãi bà G phải trả cho bà X do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 180.057.532đ.

Bà X trình bày ngày 28/8/2020 bà G đã trả được số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền lãi. Do đó cần khấu trừ đi khoản tiền lãi bà G đã trả, số tiền lãi bà G còn phải trả cho bà X là 180.057.532đ – 3.400.000đ = **176.657.532đ**.

Như vậy, từ những nhận định trên cần buộc bà Đinh Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X tổng số tiền là **646. 657.532đ** (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 470.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 176.657.532đ

[3] Về chi phí tố tụng trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Quá trình giải quyết vụ án, chi phí cho việc trưng cầu **giám định chữ ký**, chữ viết là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) bà Nguyễn Thị X đã đóng tạm ứng và đã chi trả xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Đinh Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà X chi phí trưng cầu giám định này **là 6.000.000đ** (Sáu triệu đồng)

[4] **Về án phí:** - Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị đơn bà Đinh Thị G có nghĩa vụ chịu 29.866.301đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 16.295.200 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000127 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 233, 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 288; 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1] **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X .

Buộc bà Đinh Thị G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X tổng số tiền là **646.657.532đ** (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 470.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 176.657.532đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bà Đinh Thị G còn phải trả cho bà Nguyễn Thị X khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] **Về chi phí tố tụng:** Bà Đinh Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết **là 6.000.000đ** (Sáu triệu đồng).

[3]. **Về án phí:**

Bị đơn bà Đinh Thị G có nghĩa vụ chịu 29.866.301đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 16.295.200 tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000127 ngày 07/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương